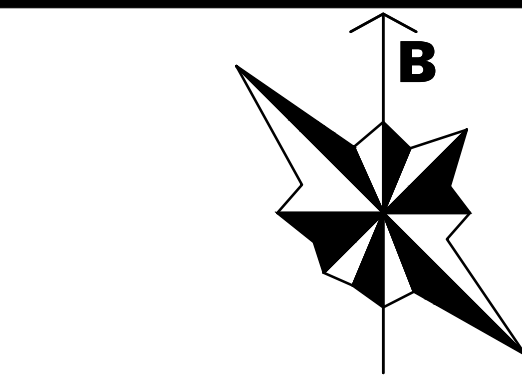


BẢNG THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT				
STT	CHỨC NĂNG	KÍ HIỆU	DIỆN TÍCH M2	TỈ LỆ (%)
1	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU	DC	42.512,76	8,19
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 1	DC-01	2.125,4	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 2	DC-02	877,3	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 3	DC-03	448,9	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 4	DC-04	574,1	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 5	DC-05	812,2	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 6	DC-06	1.197,2	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 7	DC-07	737,5	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 8	DC-08	264,4	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 9	DC-09	934,7	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 10	DC-10	4.260,5	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 11	DC-11	332,0	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 12	DC-12	1.271,5	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 13	DC-13	1.072,0	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 14	DC-14	502,9	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 15	DC-15	1.057,7	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 16	DC-16	665,5	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 17	DC-17	912,8	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 18	DC-18	1.138,1	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 19	DC-19	1.342,4	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 20	DC-20	1.573,9	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 21	DC-21	442,8	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 22	DC-22	565,4	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 23	DC-23	1.488,2	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 24	DC-24	212,3	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 25	DC-25	1.257,6	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 26	DC-26	972,9	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 27	DC-27	536,1	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 28	DC-28	346,1	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 29	DC-29	884,6	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 30	DC-30	1.572,8	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 31	DC-31	760,9	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 32	DC-32	977,9	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 33	DC-33	1.332,4	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 34	DC-34	1.327,7	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 35	DC-35	1.433,2	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 36	DC-36	1.229,9	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 37	DC-37	740,4	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 38	DC-38	587,1	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 39	DC-39	723,3	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 40	DC-40	251,3	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 41	DC-41	157,9	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 42	DC-42	1.270,6	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 43	DC-43	946,8	
	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU 44	DC-44	393,7	
2	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	NN	364.420,48	70,17
	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 1	NN-01	8.430,12	
	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 2	NN-02	72.514,90	
	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 3	NN-03	14.932,33	
	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 4	NN-04	2.022,86	
	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 5	NN-05	5.594,93	
	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 6	NN-06	4.425,12	
	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 7	NN-07	21.371,51	
	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 8	NN-08	2.826,16	
	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 9	NN-09	6.379,31	
	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 10	NN-10	13.213,04	
	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 11	NN-11	99.964,90	
	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 12	NN-12	81.428,10	
	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 13	NN-13	14.584,92	
	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 14	NN-14	15.409,14	
	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP 15	NN-15	1.323,15	
3	ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP	LN	68.558,11	13,20
	ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP 1	LN-01	14.541,51	
	ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP 2	LN-02	5.081,71	
	ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP 3	LN-03	1.051,65	
	ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP 4	LN-04	5.591,67	
	ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP 5	LN-05	1.086,54	
	ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP 6	LN-06	3.236,29	
	ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP 7	LN-07	3.853,35	
	ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP 8	LN-08	1.291,75	
	ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP 9	LN-09	699,43	
	ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP 10	LN-10	911,61	
	ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP 11	LN-11	7.365,26	
	ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP 12	LN-12	20.222,86	
	ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP 13	LN-13	3.624,49	
4	ĐẤT NGHĨA TRANG	NT	86,74	0,02
	ĐẤT NGHĨA TRANG 1	NT-01	44,65	
	ĐẤT NGHĨA TRANG 2	NT-02	23,21	
	ĐẤT NGHĨA TRANG 3	NT-03	18,88	
5	ĐẤT ĐƯỜNG GIAO THÔNG	GT	16.008,04	3,08
	ĐẤT ĐƯỜNG GIAO THÔNG 1	GT-01	14.559,71	
	ĐẤT ĐƯỜNG GIAO THÔNG 2	GT-02	682,16	
	ĐẤT ĐƯỜNG GIAO THÔNG 3	GT-03	516,18	
	ĐẤT ĐƯỜNG GIAO THÔNG 4	GT-04	250,00	
6	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM	MN	27.784,50	5,35
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 1	MN-01	283,08	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 2	MN-02	147,91	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 3	MN-03	620,95	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 4	MN-04	469,03	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 5	MN-05	414,36	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 6	MN-06	225,62	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 7	MN-07	189,76	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 8	MN-08	1.310,89	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 9	MN-09	10.626,75	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 10	MN-10	420,05	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 11	MN-11	364,14	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 12	MN-12	113,33	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 13	MN-13	131,37	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 14	MN-14	175,32	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 15	MN-15	539,90	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 16	MN-16	438,98	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 17	MN-17	569,37	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 18	MN-18	381,72	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 19	MN-19	966,01	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 20	MN-20	307,46	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 21	MN-21	2.296,82	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 22	MN-22	401,01	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 23	MN-23	810,43	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 24	MN-24	350,54	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 25	MN-25	140,42	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 26	MN-26	309,04	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 27	MN-27	350,93	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 28	MN-28	1.001,37	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 29	MN-29	2.017,07	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 30	MN-30	1.168,30	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 31	MN-31	128,65	
	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM 32	MN-32	113,91	

BẢNG THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT			
STT	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (M2)	TỈ LỆ (%)
1	TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH	519.370,64	100,00
2	ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU	42.512,76	8,19
3	ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	364.420,48	70,17
4	ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP	68.558,11	13,20
5	ĐẤT NGHĨA TRANG	86,74	0,02
6	ĐẤT ĐƯỜNG GIAO THÔNG	16.008,04	3,08
7	ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM	27.784,50	5,35



CHÚ THÍCH:

- ● ● RANH GIỚI QUY HOẠCH
- ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU
- ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
- ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP
- ĐẤT NGHĨA TRANG
- ĐẤT ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM
- 22KV — TUYẾN ĐIỆN 22KV HIỆN CÓ

KÍ HIỆU LOẠI ĐẤT

A

X

DIỆN TÍCH (M2)

- DC: ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU
- NN: ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
- LN: ĐẤT SẢN XUẤT LÂM NGHIỆP
- NT: ĐẤT NGHĨA TRANG
- GT: ĐẤT ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- MN: ĐẤT HỒ, AO, ĐÀM

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CỒNG

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:..... NGÀY THÁNG NĂM 2024.

CƠ QUAN SƠ Duyệt VÀ THẨM ĐỊNH

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ SÔNG CỒNG

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ:..... NGÀY THÁNG NĂM 2024.

CÔNG TRÌNH - DẠNG DẪN

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÀI ĐỊNH CƯ

KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG CỒNG II GIAI ĐOẠN 2, XÃ BÀ XUYỀN

ĐỊA ĐIỂM: XÃ BÀ XUYỀN, TP. SÔNG CỒNG

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT:

KIẾN TRÚC CẢNH QUAN VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG

BẢN VẼ: DH-02A

GHEP: 1 X A0

THẺ LẺ: FTT

THÁNG: 2024

THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN QUANG

CHỦ TRƯỞNG KIẾN TRÚC

PHÒNG QUỐC NAM

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN

PHÒNG QUỐC NAM

P. QUẢN ĐỐC TRUNG TÂM

NGUYỄN ANH CHIỆN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

NGUYỄN ANH CHIỆN

TỔNG GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN ĐÌNH THANH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ HÀ NỘI - UAC

HANOI URBAN ARCHITECTURE CONSULTING JSC - UAC

80/01, Đường Nguyễn Huệ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

ĐT: 024.3944.1111 - FAX: 024.3944.1112 - Website: www.UAC.vn

ĐẤT LÃNG XOM HIỆN HỮU - CÔNG TRÌNH HIỆN TRẠNG

ĐẤT TRỒNG LÚA

ĐẤT TRỒNG HOA MÀU

QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU TÀI ĐỊNH CƯ KHU CÔNG NGHIỆP SÔNG CỒNG II GIAI ĐOẠN 2, XÃ BÀ XUYỀN
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT: KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẤT XÂY DỰNG - QH-02A